ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN TẬP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4796/QĐ-UBND	*Tân Tập, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Công trình: Đường Trường THCS

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN TẬP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 của Quốc Hội: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; .

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng và Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định 512/QĐ-SXD ngày 06/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, đơn giá nhân công tư vấn xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4445/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND xã Tân Tập về việc phê duyệt chủ trương đầu công trình Đường Trường THCS;

Căn cứ Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã Tân Tập về việc điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư lại Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã;

Căn cứ Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 của UBND xã Tân Tập về việc điều chỉnh chủ đầu tư để thực hiện các dự án, công trình đầu tư công trong năm 2026;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/5/2026 của HĐND xã Tân Tập điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Xét thông báo kết quả thẩm định số 949/TĐ-PKT ngày 11/5/2026 của Phòng Kinh tế và Tờ trình số 950/TTr-PKT ngày 11/5/2026 của Phòng Kinh tế về việc

phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường Trường THCS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường Trường THCS, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường Trường THCS.
2. Má số dự án: 8202170
3. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Tập.
4. Người quyết định đầu tư: UBND xã Tân Tập.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xã Tân Tập.
6. Tổ chức khảo sát địa hình, Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức khảo sát địa hình phần di dời điện và tổ chức thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng phần di dời điện : Công ty TNHH MTV Lộc Phú Trung.
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.
8. Mục tiêu dự án: Phục vụ nhu cầu thiết yếu, đi lại, vận chuyển hàng hóa cho người dân khu vực. Tăng mỹ quan khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nâng cao mức sống người dân. Góp phần phát triển kinh tế khu vực Xã Tân Tập nói riêng và tỉnh Tây Ninh nói chung.
9. Quy mô đầu tư xây dựng: Theo hồ sơ lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng số 127/BCKTKT.2026 ngày 08/5/2026 do Công ty TNHH MTV Lộc Phú Trung lập; Báo cáo kết quả thẩm tra số 277/BCTT.2026 ngày 11/05/2026 của Công ty TNHH MTV TVĐT Xây dựng 62 và thẩm định của Phòng Kinh tế tại văn bản số 949/TĐ-PKT ngày 11/5/2026, bao gồm các nội dung chính sau:

A/ Hạng mục: Phần đường

a. Bình đồ

- Tổng chiều dài tuyến là: 963.61m
- Đầu tuyến: tại Km 0+000 giáp với đường ĐT.830
- Cuối tuyến: tại km 0+963.61 giáp với ngã tư đường Tân Thành – Tân Chánh – Tân Đại

*b. Trắc dọc :*Thiết kế cao độ mặt đường thấp hơn cao độ ĐT.830, đảm bảo cao độ chống ngập, phù hợp với thực tế.

c. Trắc ngang thiết kế:

- Tải trọng thiết kế: Tổng tải trọng 8 Tấn.
- Vận tốc thiết kế: 40 Km/h.
- Bề rộng mặt đường phần xe chạy: 5.0m.
- Mặt đường bê tông nghiêng 2 mái: 2%
- Rãnh dọc 0.8x2 bên =1.60m
- Lề đường: 0.2x2=0.4m
- Lề đường nghiêng : 4%

d. Thiết kế mặt cắt ngang đường:

- Chiều rộng mặt đường : 5.0m.
- Rãnh dọc 0.8x2 bên =1.60m
- Lề đường: 0.2x2=0.4m
- Tổng cộng đường : =7.0m.

e. Kết cấu nền mặt đường:

- Xoa mặt, lăn rulo tạm nhám mặt đường BTXM, cắt khe co giãn mặt đường 5m/khe ngang.
- Mặt đường BTXM M250 dày 18cm
- Trãi nilong chống mất nước trong quá trình đổ bê tông.
- Lớp móng CPĐD loại I lớp trên dày 15.0cm, độ chặt K>0.98.
- Lớp móng CPĐD loại I lớp dưới dày 15.0cm, độ chặt K>0.98.
- Lớp vải địa ngăn cách cát và đá 25KN/m2
- Cát dày 70cm, độ chặt K>0.98
- Đào khuôn đường, lu lèn nền đường mở rộng đạt độ chặt K>0.95

f. Kết cấu lề, taluy đường:

- Đắp đất lề + taluy bằng đất đào tận dụng đào khuôn, độ chặt K>0,90.
- Đóng cừ tràm gia cố mái taluy ở những vị trí ao, L cừ =4,5m, ĐK gốc 8-10cm, đóng mật độ 8cây/md/hàng đóng 2 hàng.

g. Phần Thoát nước:

- Thiết kế mới hệ thống rãnh dọc hai bên tuyến thoát nước về giữa tuyến tại kênh tự nhiên lý trình 0+500
- Rãnh dọc rộng 0.8m, sâu 1.0m làm bằng BTCT M250

h. Công Tác an toàn giao thông:

- Thiết kế hệ thống biển báo, gờ giảm tốc trên tuyến đường đường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT

i. Di dời hạ tầng kỹ thuật: Nước, hạ tầng kỹ thuật,....

B/ Hạng mục: Phần di dời điện trung thế - hạ thế và TBA

a. Dự kiến di dời:

❖ Đường dây trung thế Nr T29A Tân Tập.
- Điểm đầu: tại trụ T29A (hh) Nr Tân Tập.
- Điểm cuối: tại trụ T29A/3 (hh) Nr Tân Tập.
- Trụ: trụ BTLT16m, BTLT14m.
- Loại đường dây trung thế: 3 pha.
- Điện áp: 22kV
- Loại dây: 3ACXH50+AC50mm².
- Vị trí dự kiến: trụ T29A, T29A/1, T29A/2, T29A/3 (hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

❖ Đường dây trung thế Nr T7A/10B Tân Chánh 1B.
- Điểm đầu: tại trụ T7A/1B (hh) Nr Tân Chánh 1B.

- Điểm cuối: tại trụ T7A/10B (hh) Nr Tân Chánh 1B.
- Trụ: trụ BTLT14m.
- Loại đường dây trung thế: 1 pha.
- Điện áp: 12.7kV
- Loại dây: ACXH 50+AC50mm².
- Vị trí dự kiến: trụ T7A/1B, T7A/2B, T7A/3B, T7A/4B , T7A/5B, T7A/6B, T7A/7B, T7A/8B, T7A/9B, T7A/10B(hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

❖ Đường dây trung thế Nr T7A/2 Tân Chánh 1B.

- Điểm đầu: tại trụ T7A/1 (hh) Nr Tân Chánh 1B.
- Điểm cuối: tại trụ T7A/2 (hh) Nr Tân Chánh 1B.
- Trụ: trụ BTLT14m.
- Loại đường dây trung thế: 1 pha.
- Điện áp: 12.7kV
- Loại dây: ACXH 50+AC50mm².
- Vị trí dự kiến: trụ T7A/1, T7A/2 (hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

❖ Trạm biến áp T7A/2 Tân Chánh 1B 50kVA.

- Tên trạm: T7A/2 Tân Chánh 1B.
- Loại trạm: trạm treo.
- Công suất: 50kVA.
- Số pha: 01.
- Điện áp: 12,7/2x0,23kV.
- Dây dẫn:
  + Cáp suất trung thế: CEV.25mm2.
  + Cáp suất hạ thế: Cu/PVC-600V.120mm2; Cu/PVC-600V.120mm2.
- Hệ thống đo đếm gián tiếp: TI 200/5A.
- Vị trí trạm: trụ T7A/2 (hh) NR Tân Chánh 1B.

❖ Trạm biến áp T7A/10B Tân Chánh 1B 50kVA.

- Tên trạm: T7A/10B Tân Chánh 1B.
- Loại trạm: trạm treo.
- Công suất: 50kVA.
- Số pha: 01.
- Điện áp: 12,7/2x0,23kV.
- Thiết bị bảo vệ trung áp: LBFCO 27kV – 100A.
- Thiết bị bảo vệ hạ áp: MCCB 690V – 250A.
- Bảo vệ quá điện áp khí quyển: LA 18kV – 10kA.
- Dây dẫn:
  + Cáp suất trung thế: CEV.25mm2.
  + Cáp suất hạ thế: Cu/PVC-600V.120mm2; Cu/PVC-600V.120mm2.
- Hệ thống đo đếm gián tiếp: TI 200/5A.

- Vị trí trạm: trụ T7A/10B (hh) NR Tân Chánh 1B.

❖ Trạm biến áp T29A/3 Tân Tập 160kVA.

- Tên trạm: T29A/3 Tân Tập.
- Loại trạm: trạm ngồi.
- Công suất: 1600kVA.
- Số pha: 03.
- Điện áp: 22/0.4kV.
- Dây dẫn:

+ Cáp suất trung thế: CEV.50mm2.

+ Cáp suất hạ thế: Cu/PVC-600V.120mm2; Cu/PVC-600V.120mm2.

- Hệ thống đo đếm gián tiếp: TI 400/5A.
- Vị trí trạm: trụ T29A/3 (hh) NR Tân Tập.

❖ Đường dây hạ thế thuộc TBA T29A/3 Tân Tập.

- Điểm đầu: tại trụ T29A/3 (hh) Nr Tân Tập.
- Điểm cuối: tại trụ T7A/10B (hh) thuộc trạm T29A/3 Tân Tập.
- Trụ: Sử dụng chung trụ trung thế hiện hữu, trụ BTLT 8,5m.
- Loại đường dây hạ thế: 3 pha.
- Điện áp: 0,4kV
- Loại dây: ABC4x50mm².
- Vị trí dự kiến: trụ H1, H2, H3, H4, H5, H6,H7 (hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

❖ Đường dây hạ thế thuộc TBA T7A/10B Tân Chánh 1B.

- Điểm đầu: tại trụ T7A/10B (hh) Nr Tân Chánh 1B.
- Điểm cuối: tại trụ T7A/3B (hh) thuộc trạm T7A/10B Tân Chánh 1B.
- Trụ: Sử dụng chung trụ trung thế hiện hữu, trụ BTLT 8,5m.
- Loại đường dây hạ thế: 1 pha.
- Điện áp: 0,23kV
- Loại dây: ABC 3x50mm².
- Vị trí dự kiến: trụ H3 (hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

❖ Đường dây hạ thế thuộc TBA T7A/2 Tân Chánh 1B.

- Điểm đầu: tại trụ T7A (hh) Tân Chánh 1B.
- Điểm cuối: tại trụ T7A/2 (hh) thuộc trạm T7A/2 Tân Chánh 1B.
- Trụ: Sử dụng chung trụ trung thế hiện hữu, trụ BTLT 8,5m.
- Loại đường dây hạ thế: 1 pha.
- Điện áp: 0,23kV
- Loại dây: ABC3x50mm2.
- Vị trí dự kiến: trụ H1, H2, H3 (hh), có cáp thông tin treo trên trụ.

b. Hành lang an toàn lưới điện:

- Đường dây trung, hạ áp sau di dời đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo

quy định hiện hành.

c. Đường dây Branchement, điện kế và dây sau điện kế:

❖ Dây branchement, thùng điện kế và điện kế:

- Tháo căng lại dây Branchemet đảm bảo độ cao và võng đúng quy định. Trường hợp đấu nối lại branchement của khách hàng khi bị thiếu dây thì sử dụng dây cùng chủng loại và đấu nối lại đúng kỹ thuật.

- Thay tất cả cáp muller trước điện kế với chiều dài phù hợp, đảm bảo không phát sinh mối nối, tiết diện cáp không nhỏ hơn cáp hiện hữu.

- Thùng điện kế, nhánh rẽ khách hàng: không thay đổi hình thức lắp trong quá trình di dời. Đối với các nhánh branchement rẽ vào nhà khách hàng thiếu dây khi di dời phải sử dụng dây cùng chủng loại, mối nối đúng kỹ thuật.

❖ Dây sau điện kế:

- Tháo căng lại dây đấu nối sau điện kế đảm bảo độ cao và độ võng đúng quy định.

- Đối với dây sau điện kế từ CB điện kế đến đầu trụ phải được thay bằng dây cáp muller hoặc cáp duplex tiết điện phù hợp với phụ tải.

- Các công trình phụ trợ đi chung: Đường dây cáp bưu điện, cáp thông tin do đơn vị quản lý cáp bưu điện, cáp thông tin tự di dời.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 13592-2022.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô TCVN 4054-2005.

- Đường giao thông nông thôn TCVN 10380-2014.

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22 TCN211-06.

- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- Qui trình khảo sát thiết kế nền đường ôtô đắp trên đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT.

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574-: 2018.

- Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 7957: 2023.

- Qui trình lập, thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công. Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4252: 2012.

- Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN8859:2023): Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN 8857:2011): Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu TCVN 9115:2019.

- Quy trình thi công nghiệm thu các kết cấu bê tông và BTCT toàn khối TCVN 4453-95.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41: 2024/BGTVT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN03:2012/BXD;

- Các tiêu chuẩn nhà nước, quy chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **19.500.000.000 đồng.** *(Bằng chữ: Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	12.544.991.128 đồng.
- Chi phí giải phóng mặt bằng:	3.338.080.586 đồng.
+ Chi phí di dời điện hạ thế + trung thế, hạ tầng kỹ thuật, GPMB (tạm tính)	*1.355.744.586 đồng*
+ Chi phí thiết kế điện chiếu sáng mới (tạm tính)	*1.087.755.000 đồng*
+ Chi phí trồng xây xanh (tạm tính)	*500.000.000 đồng*
+ Chi phí đo đạc chỉnh lý đất đai (tạm tính)	*50.000.000 đồng*
+ Chi phí thiết kế mới đường ống cấp nước dân sinh D110 (tạm tính)	*302.182.000 đồng*
+ Chi phí (di dời 963,61m ống nước sinh hoạt dân sinh D34: theo quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 12/06/2025 của UBND Tỉnh Long An)	*42.399.000 đồng*
- Chi phí Quản lý dự án:	370.077.238 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	982.679.881 đồng.
- Chi phí khác:	314.171.167 đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.950.000.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư dự án: Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách xã.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII – Phòng Giao dịch số 3 và các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND xã;
- Như điều 3;
- CVP, PCVP;
- PKT;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



